TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139**/2021/DS-ST
Ngày: 23-3-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Kim Ngân –** Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2020/TLST-DS ngày 09/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 25/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-DS ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng T**

Địa chỉ: Lầu 8 số 266-268 N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Thanh M** - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Quận 4 - Sacombank, (văn bản ủy quyền số 3926/2019/GUQ-PL lập ngày 16/12/2019);

Ủy quyền lại cho: Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm: 1983.
Địa chỉ liên lạc: 53-55-57 D, Phường Q, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Trương Thúy V**, sinh năm: 1984.
Địa chỉ: B4-16.1 Chung cư R, ấp H, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H có đơn xin vắng mặt tại Tòa; bà V vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản không hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng T có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Ngày 21/10/2015, bà Trương Thúy V có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trương Thúy V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 583.732.630 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà V phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 561.322.800 đồng (Năm trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05/12/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 58.558.582 đồng

(Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng) làm nợ gốc, áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng (áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Như vậy từ thời điểm khách hàng vi phạm đến trước khi chuyển nợ nhóm 3, ngân hàng có quyền chỉ áp dụng lãi suất trong hạn để hỗ trợ khách hàng, từ khi khách hàng chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng mới áp dụng mức lãi suất quá hạn 150% trên lãi trong hạn. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 06/12/2018 đến 23/3/2021 là 52.815.050 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng chỉ yêu cầu bà V có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thúy V phải trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 23/3/2021 là 111.373.632 đồng (Một trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc là 58.558.582 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng), lãi quá hạn là 52.815.050 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi đồng). Đồng thời, buộc bà Trương Thúy V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 23/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Trương Thúy V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Trương Thúy V, bà V có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trương Thúy V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thúy V theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015. Ông Nguyễn Trọng H đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Minh theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Xét thấy các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Bà Trương Thúy V vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên bà Trương Thúy V từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp pháp luật. Theo lời trình bày của ông Nguyễn Trọng H (đại diện nguyên đơn) thì vào ngày 21/10/2015, bà Trương Thúy V có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ, Ngân hàng T đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ thì bà V thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 583.732.630 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà V có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 561.322.800 đồng (Năm trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng). Đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu bà V thanh toán tiền nợ nhưng bà V trốn tránh không trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Trương Thúy V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho bà Trương Thúy V biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay bà Trương Thúy V không có văn bản gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Căn cứ vào giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng của bà Trương Thúy V ký ngày 21/10/2015 với nội dung yêu cầu Ngân hàng T phát hành thẻ với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Từ đơn yêu cầu phát hành thẻ,

Ngân hàng T đã cấp thẻ tín dụng cho bà Trương Thúy V với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu bà V thanh toán nợ nhưng bà V không thực hiện, do đó ngày 05/12/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[7] Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký giữa bà Trương Thúy V với Ngân hàng T và căn cứ vào các quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng T buộc bà Trương Thúy V thanh toán nợ gốc đến ngày 23/3/2021 là 58.558.582 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng), tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/3/2021 là 52.815.050 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 111.373.632 đồng (Một trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[8] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trương Thúy V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T đến ngày 23/3/2021 nợ gốc là 58.558.582 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng), tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/3/2021 là 52.815.050 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 111.373.632 đồng (Một trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Trương Thúy V tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trương Thúy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.568.682 đồng (năm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng); nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn bà Trương Thúy V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn bà Trương Thúy V có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền gốc là 58.558.582 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng), tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/3/2021 là 52.815.050 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 111.373.632 đồng (Một trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trương Thúy V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trương Thúy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.568.682 đồng (năm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.189.463 đồng (hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng) theo

biên lai thu số 0078962 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định